| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 24 /2019/QĐ-UBND | *Bắc Ninh, ngày 29 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 216/TTr-VP ngày 22 tháng 10 năm 2019.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/11/2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Nhường**

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC NINH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH
## Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chế độ báo cáo định kỳ được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Quy định này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành;

b) Chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề; báo cáo thống kê, báo cáo mật, báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là các ngành và địa phương); các tổ chức, cá nhân; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

### Điều 3. Nguyên tắc chung về việc ban hành chế độ báo cáo

1. Nguyên tắc chung: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Việc quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh phải được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và theo quy định tại Quy định này; đồng thời phải phù hợp với quy định tại các văn bản do Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan có thẩm quyền thuộc hệ thống hành chính tỉnh ban hành.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

## Chương II

## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 4. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo**

Thẩm quyền ban hành chế độ báo của các cơ quan hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

**Điều 5. Phương thức gửi, nhận báo cáo**

Phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

**Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể:

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 9 tháng: Thời gian chốt số liệu 9 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

6. Đối với các báo cáo định kỳ khác, thời gian chốt số liệu phải được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo**

1. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ của mỗi cấp báo cáo không quá 05 ngày kể từ ngày chốt số liệu thực tế trong kỳ báo cáo.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Đối với các loại báo cáo có yêu cầu về thời hạn gửi khác, được quy định cụ thể thời hạn trong văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

2. Trường hợp thời hạn gửi báo cáo trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn gửi báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

**Điều 8. Chế độ xử lý thông tin, báo cáo; đề cương, biểu mẫu báo cáo**

1. Đối với báo cáo tình hình kinh tế, chính trị của các ngành, địa phương: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp thành báo cáo chung.

2. Đối với báo cáo thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các ngành, đơn vị, địa phương: Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị, địa phương tổng hợp.

3. Đối với các báo cáo định kỳ khác Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở, Ngành nào chủ trì thì Sở, Ngành đó có trách nhiệm xử lý thông tin và tổng hợp thành báo cáo chung của tỉnh.

4. Đề cương và các biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

**Điều 9. Nội dung chế độ báo cáo**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

**Điều 10. Yêu cầu về việc ban hành chế độ báo cáo**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đối với chế độ báo cáo phức tạp, có nhiều đối tượng thực hiện và phải thực hiện qua nhiều cơ quan trung gian khác nhau, thì đối tượng thực hiện báo cáo nộp cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp chung gửi về cơ quan chủ trì, tổng hợp báo cáo theo quy định. Thời gian chốt số liệu và thời hạn gửi báo cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 của Quy định này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

**Điều 11. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

**Điều 12. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo**

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, cụ thể:

1. Các ngành và địa phương có trách nhiệm thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 9, Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/7/2018.

2. Đầu mối quản lý, lưu trữ, chia sẻ thông tin báo cáo như sau:

a) Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ban hành.

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thuộc địa bàn quản lý ban hành.

c) Công chức Văn phòng - thống kê của Ủy ban nhân dân cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

## Chương III

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 13. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan quản lý Nhà nước được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo định mức của các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.

3. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan. Ưu tiên lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai nhiệm vụ được giao.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

**Điều 14. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và việc triển khai xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

2. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh; cập nhật kịp thời trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh khi có sự thay đổi.

3. Tổng hợp kết quả thực hiện chế độ báo cáo của các ngành, địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 15. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

**Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh**

1. Rà soát, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ theo lĩnh vực quản lý cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và các nội dung tại Quy định này.

2. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố danh mục báo cáo định kỳ sau 15 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh do đơn vị tham mưu ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành; cập nhật kịp thời trên Trang thông tin điện tử của đơn vị khi có sự thay đổi.

3. Theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo theo lĩnh vực chuyên môn của các ngành, địa phương theo quy định này. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá tình hình thực hiện chế độ báo cáo của các ngành, địa phương theo lĩnh vực chuyên môn được giao.

**Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo**

1. Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ trong trường hợp không còn phù hợp với việc thực hiện.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

3. Các ngành và địa phương, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện chế độ báo cáo là một trong các tiêu chí để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các ngành, địa phương.

**Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với chế độ báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nhằm đáp ứng các quy định tại Quy định này.

Cơ quan quản lý theo ngành, lĩnh vực có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện các nội dung báo cáo theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo.

**Điều 19. Sửa đổi, bổ sung quy định**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Nhường**

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

# PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

*(Kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân nhân tỉnh Bắc Ninh Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh)*

| Stt | Mẫu số | Tên báo cáo |
|---|---|---|
| 1 | Mẫu số 01 | Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao |
| 2 | Mẫu số 02 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác phối hợp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong các Khu công nghiệp tỉnh |
| 3 | Mẫu số 03 | Báo cáo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, đón nhận các danh hiệu thi đua trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 4 | Mẫu số 04 | Báo cáo tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 5 | Mẫu số 05 | Báo cáo kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác |
| 6 | Mẫu số 06 | Báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo |
| 7 | Mẫu số 07 | Báo cáo kết quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 8 | Mẫu số 08 | Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ |
| 9 | Mẫu số 09 | Báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Ninh |
| 10 | Mẫu số 10 | Báo cáo tình hình quản lý người lao động nước ngoài |
| 11 | Mẫu số 11 | Báo cáo tình hình hỗ trợ thực hiện điện táng, hóa táng người chết |
| 12 | Mẫu số 12 | Báo cáo thực hiện trợ cấp, trợ giúp thường xuyên đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Bảo trợ xã hội tỉnh; bệnh nhân phong đang điều trị tập trung tại Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh |
| 13 | Mẫu số 13 | Báo cáo thực việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Bắc Ninh |
| 14 | Mẫu số 14 | Báo cáo về việc xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 15 | Mẫu số 15 | Báo cáo tình hình hoạt động của các điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |
| 16 | Mẫu số 16 | Báo cáo tình hình thực hiện quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong việc xây dựng đề án, báo cáo, tờ trình để trình |

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

| Stt | Mẫu số | Tên báo cáo |
|---|---|---|
| | | tại các kỳ họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh |
| 17 | Mẫu số 17 | Báo cáo tình hình thực hiện quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 18 | Mẫu số 18 | Báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 19 | Mẫu số 19 | Báo cáo công tác quản lý dự án ĐTXD công trình trên địa bàn tỉnh |
| 20 | Mẫu số 20 | Báo cáo hỗ trợ đào tạo và sử dụng lao động đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 21 | Mẫu số 21 | Báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 22 | Mẫu số 22 | Báo cáo công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 23 | Mẫu số 23 | Báo cáo tình hình thực hiện quy định quản lý kiến trúc, cảnh quan đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong phạm vi ảnh hưởng đến khu di tích, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh |
| 24 | Mẫu số 24 | Báo cáo tình hình thực hiện công tác khuyến công và công tác tư vấn phát triển công nghiệp |
| 25 | Mẫu số 25 | Báo cáo tình hình cấp, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Bắc Ninh |
| 26 | Mẫu số 26 | Báo cáo tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập |
| 27 | Mẫu số 27 | Báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch phát triển điện lực của các công trình điện lực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh |
| 28 | Mẫu số 28a | Báo cáo kết quả chuyển đi nước ngoài (dành cho cá nhân) |
| 29 | Mẫu số 28b | Báo cáo kết quả chuyển đi nước ngoài (dành cho 02 người trở lên) |
| 30 | Mẫu số 29 | Báo cáo công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh |
| 31 | Mẫu số 30 | Báo cáo công tác quản lý, thực hiện hạ ngầm các công trình đường ống, đường dây trên địa bàn tỉnh |

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật